

Bản án số: 132/2023/DS-PT

Ngày 24 - 3 - 2023.

*V/v: Tranh chấp di sản thừa kế và
yêu cầu hủy quyết định cá biệt.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Lê Giang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2073/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; địa chỉ: Khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1957; địa chỉ: Khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Nơi công tác: Văn phòng L - Đoàn luật sư tỉnh N. Có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Sỹ D, sinh năm 1963; địa chỉ: Số D, đường N, khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Sỹ D1, sinh năm 1960; địa chỉ: Số C, đường N, khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1993, địa chỉ: K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nơi công tác: Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh N. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T2 – chức vụ: Chuyên viên phòng T6. Vắng mặt.

2. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1959 (vợ ông D1); địa chỉ: Khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị N1: Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1993; địa chỉ: K, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nơi công tác: Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh N. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Trung D2, sinh năm 1964; địa chỉ: Số C, đường Đ, K, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2019, bổ sung khởi kiện, các lời khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T và đại diện theo ủy quyền cho bà T trình bày: Bố mẹ của bà là cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H, hai cụ sinh được 04 người con gồm các ông/bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Sỹ D1, Nguyễn Sỹ D và Nguyễn Thị T1 (chết năm 2000 chưa có gia đình). Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là tài sản của cụ K, cụ H tạo lập được.

Cụ Nguyễn Sỹ K chết ngày 22/6/1998 không để lại di chúc. Ngày 13/11/2010 các thành viên trong gia đình gồm: Cụ Nguyễn Thị H cùng các con là ông Nguyễn Sỹ D1, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Sỹ D và các cháu đã họp gia đình đã đề phân chia di sản thừa kế, kèm theo sơ đồ phân chia các phần đất (BL 59) cụ thể:

- Ông Nguyễn Sỹ D1 diện tích 175,9m² (lô đất số 71)
- Bà Nguyễn Thị T diện tích 132,7m² (lô đất số 72)
- Lô đất 66 được chia làm 03 phần:
 - + Ông Nguyễn Sỹ D diện tích 332,4m² và đất hương hỏa của bà T1;
 - + Đất nhà thờ là 124,4m²;
 - + Cụ Hoi diện tích 114m².

Sau đó, cụ H ký xác nhận cho ông Nguyễn Sỹ D1 làm thủ tục và vợ chồng ông D1 đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSD đất) số BD573627 ngày 20/12/2010 với diện tích 138,1m² (đã trừ phần đất quy hoạch mở đường 37,8m²). Những phần đất còn lại cũng đã được cụ H và các thừa kế đã tiến hành làm làm thủ tục nhưng vẫn chưa được cấp GCNQSD đất.

Sau khi phân chia thì cả bà T, ông D1, ông D đã xây dựng khuôn viên và công trình kiên cố trên thửa đất mình được chia. Cụ H chết ngày 16/11/2018. Nay do anh, chị, em mâu thuẫn không thỏa thuận được về việc chia di sản thừa kế của cụ K, cụ H nên bà T khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu:

- Chia di sản thừa kế của cụ K, cụ H;
- Hủy quyết định cấp GCNQSD đất và GCNQSD đất của UBND thành phố V cấp cho ông D1, bà N1 ngày 20/12/2010. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T rút phần yêu cầu hủy Quyết định và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố V cấp cho ông D1, bà N1 ngày 20/12/2010.

- Nếu ông Nguyễn Sỹ D1 và bà Lê Thị N1 đồng ý chia di sản theo hướng giữ nguyên hiện trạng các gia đình đang sử dụng như hiện nay thì bà T không yêu cầu hủy GCNQSD đất của ông Nguyễn Sỹ D1 và bà Lê Thị N1. Nếu ông D1, bà N1 không đồng ý thì phần đất sau khi trừ đi đất làm nhà thờ thì phần đất còn lại để chia thừa kế.

- Về phần đất đã làm nhà thờ (thửa 66A) bà T có ý kiến làm bìa đỏ riêng và giao chung cho ông Nguyễn Sỹ D, ông Nguyễn Sỹ D1 và bà Nguyễn Thị T quản lý.

- Về phần đất cụ H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trung D2 diện tích 89,9m² (thửa 66C) bà T đồng ý công nhận hợp đồng để tạo điều kiện cho ông Nguyễn Trung D2 làm thủ tục cấp GCNQSD đất.

Nguyên vọng của bà T khi chia di sản thừa kế là đề nghị Tòa án chia bằng hiện vật và giữ nguyên hiện trạng như hiện nay vì mỗi người đều có khuôn viên và công trình kiên cố trên thửa đất, phần của bà T xin được hưởng là diện tích 132,7m² là thửa đất số 72 tờ bản đồ 34, tại khối X, phường H, thành phố V, Nghệ An đã được đo vẽ, bà không yêu cầu trích phần chênh lệch giá trị tài sản được chia.

2. Ông Nguyễn Sỹ D1 và vợ là bà Nguyễn Thị N2 cùng người đại diện theo ủy quyền cho ông D1, bà N2 thống nhất trình bày: Thống nhất với lời khai của bà T về quan hệ huyết thống, thời điểm cụ K và cụ H chết không có di chúc và nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp.

Khi còn sống, ngày 13/11/2010 cụ H và anh, chị em của ông D1 đã họp bàn và thống nhất chia đất. Phần ông D1 được chia (thửa 71), diện tích 175,9m², ông đã làm thủ tục và đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất số BD 573627, diện tích 138,1m² vào ngày 20/12/2010. Phần diện tích còn lại đã được đo vẽ cho từng người trong gia đình, đã làm nhà và có khuôn viên nhưng chưa ai được làm thủ tục cấp GCNQSD đất. Ông D1 và bà N2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu hủy GCNQSD đất mang tên ông và bà Lê Thị N1 (vợ ông) vì phần đất này khi còn sống cụ H đã cho và ông, bà đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quan điểm của ông D1: Phần di sản của bố mẹ là cụ K, cụ H chỉ còn lại là thửa đất số 66 và thửa số 72 hiện bà T và ông D đang quản lý, sử dụng. Nay bà T yêu cầu chia thừa kế, ông D1, bà N1 yêu cầu:

- Nhất trí với quan điểm của bà T về các nội dung:

+ Đối với thửa đất khi còn sống cụ H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trung D2 (thửa 66C) với diện tích 89,9m²: Ông D2, bà N1 đồng ý tách riêng không đưa vào di sản thừa kế của cụ K, cụ H; nhất trí đề nghị cấp có thẩm quyền cấp GCNQSD đất cho ông D2;

+ Đối với phần đất đã làm nhà thờ: ông D2, bà N1 đồng ý với ý kiến của bà T là tách Bìa đỏ riêng và giao chung cho ông Nguyễn Sỹ D, ông Nguyễn Sỹ D1 và bà Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng.

Sau khi trừ phần đất làm nhà thờ (thửa 66A) thì diện tích đất còn lại chia theo pháp luật, phần ông D1 được hưởng đề nghị Tòa án trích trả giá trị di sản được chia bằng tiền mặt.

3. Ông Nguyễn Sỹ D trình bày: Thống nhất với lời khai của bà T về quan hệ huyết thống, thời điểm cụ K và cụ H chết không có di chúc và nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp.

Nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế, ông đồng ý với nội dung văn bản thỏa thuận vào ngày 13/11/2010 của cụ H mẹ ông và 03 anh, chị, em đã họp chia; vì hiện nay thửa đất 71, 72 và 66 mỗi gia đình đều có khuôn viên riêng nên ông D đề nghị giữ nguyên hiện trạng như đang sử dụng, phần ai có diện tích lớn

hơn thì được hưởng theo nguyên trạng, không phải trích chênh lệch tài sản cho nhau. Ông D đồng ý với ý kiến của bà T và ông D1 cắt một phần đất nhà thờ tách riêng và làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chung cho ông D và ông D1 quản lý. Đối với thửa đất khi còn sống cụ H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trung D2 với diện tích 89,9m² thì ông D đồng ý tách riêng không đưa vào di sản thừa kế của cụ K, cụ H, vì phần đất này đã được chuyển nhượng cho ông D2, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Trung D2 theo thực tế hiện trạng đã được xác định.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung D2 trình bày: Ông D2 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H trong thửa đất số 66 với diện tích 89,9m², hiện nay chưa được cấp GCNQSD đất nhưng đã có trích lục thửa đất và có giấy phép xây dựng. Trên thửa đất đã được gia đình ông D2 xây dựng nhà ở ổn định và đã có khuôn viên riêng, nay xác định thực tế 92,2m². Nay ông D2 yêu cầu các thừa kế của cụ K, cụ H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng và đề nghị các gia đình con của cụ K, cụ H tạo điều kiện để ông D2 làm thủ tục để được cấp GCNQSD đất theo quy định pháp luật đối với diện tích đã được xác định theo kết quả sơ đồ hiện trạng đo vẽ ngày 21/8/2020.

5. Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày: Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Sỹ D1, bà Lê Thị N1 do công dân lập, Ủy ban nhân dân phường H xác nhận, đề nghị và đã được UBND phường H công khai việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định. Trong thời gian công khai, thực hiện các thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND phường H và UBND thành phố V không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo nào có liên quan. Việc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định số 9154/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã BD 573627 cho ông Nguyễn Sỹ D1, bà Lê Thị Nghĩa l phù hợp với các quy định pháp luật tại thời điểm đó.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản vào ngày 05/6/2020. Kết quả: Thửa đất số 71 diện tích 160,9m²; thửa số 72 diện tích 118,5m²; thửa 66 A diện tích 102,5m²; thửa 66 B diện tích 296,8m²; thửa 66 C diện tích 92,2m². Giá trị theo giá thị trường tại thời điểm tranh chấp là 20.000.000đồng/m² đất ở. Các công trình trên các thửa đất các đương sự không ai yêu cầu định giá và đề nghị giữ nguyên hiện trạng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 21/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã căn cứ các điều 612, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 105 Luật Đất đai năm 2003; Điều 98, 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về, án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu hủy quyết định số 9154/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã BD 573627 ngày 20/12/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố V cấp

cho ông Nguyễn Sỹ D1, bà Lê Thị N1 đối với thửa đất số 71, tờ bản đồ số 34, tại khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. Chia và trích di sản của cụ Nguyễn Sỹ K, cụ Nguyễn Thị H để lại là quyền sử dụng đất thổ cư diện tích 770,9m² (Theo đo vẽ thực tế), thuộc các thửa số 66, 71, 72, tờ bản đồ số 34, tại khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An hiện đang do vợ chồng ông Nguyễn Sỹ D1, bà Lê Thị N1; vợ chồng ông Nguyễn Sỹ D, bà Nguyễn Thị B; bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trung D2 quản lý sử dụng; trong đó diện tích đất trong quy hoạch đất ở lâu dài 594,4m² trị giá 11.888.000.000 đồng; chia, trích cụ thể như sau:

2.1. Ghi nhận sự công nhận của các bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Sỹ D1, ông Nguyễn Sỹ D đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Trung D2. Ông Nguyễn Trung D2 được quyền sử dụng thửa đất số 66C, tờ bản đồ số 34, diện tích 92,2m² (trong đó có 22,8m² nằm trong quy hoạch mở đường) tại khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, trị giá 1.388.000.000 đồng, hiện đang do ông Nguyễn Trung D2 quản lý, sử dụng. Có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường N rộng 5,82m; phía Nam giáp thửa đất số 78 rộng 04m; phía Đông giáp phần ông Nguyễn Sỹ D được chia có chiều dài 14,71m + 3,26m; phía Tây giáp thửa đất 67 có chiều dài 14,89m + 3,24m.

2.2. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Sỹ D1, ông Nguyễn Sỹ D: Giao cho ông Nguyễn Sỹ D, ông Nguyễn Sỹ D1 và bà Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng thửa đất số 66A, tờ bản đồ số 34 (đất nhà thờ) diện tích 102,5m² (trong đó có 23,8m² nằm trong quy hoạch mở đường) tại khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, trị giá 1.574.000.000 đồng. Có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường N rộng 5,89m; phía Nam giáp thửa đất số 83, 77 rộng 3,49m + 1,80m; phía Đông giáp phần đất ông Nguyễn Sỹ D được chia có chiều dài 14,39m + 3,40m; phía Tây giáp thửa đất số 73 có chiều dài 14,10m + 3,45m.

2.3. Chia cho ông Nguyễn Sỹ D1 được quyền sử dụng đối với thửa 71, tờ bản đồ số 34, diện tích 160,9m² (trong đó có 38,8m² nằm trong quy hoạch mở đường) tại khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, trị giá 2.442.000.000 đồng, hiện đang do gia đình ông Nguyễn Sỹ D1, bà Lê Thị N1 quản lý sử dụng. Có tứ cận: Phía Bắc giáp đường N rộng 7,16m; phía Nam giáp thửa đất số 82 rộng 8,62m + 0,79m; phía Đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị T được chia có chiều dài 15,51m + 3,64m; phía Tây giáp đường dân cư có chiều dài 19,60m.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An kiểm tra thực trạng để điều chỉnh cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 71, tờ bản đồ số 34, diện tích 160,9m² (Trong đó có 38,8m² nằm trong quy hoạch mở đường) tại khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An cho ông Nguyễn Sỹ D1, bà Lê Thị N1 cho phù hợp theo quy định về pháp luật đất đai.

2.4. Chia cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 72, tờ bản đồ số 34 diện tích 118,5m² (trong đó có 24,7m² nằm trong quy hoạch mở đường) tại khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, trị giá 1.876.000.000 đồng, hiện đang do bà Nguyễn Thị T quản lý sử dụng. Có tứ cận: Phía Bắc giáp đường N rộng 6,39m; phía Nam giáp thửa đất số 82 rộng 5,84m; phía Đông giáp thửa

đất số 73 có chiều dài 15,50m + 3,97m; phía Tây giáp phần đất chia cho ông Nguyễn Sỹ D1 có chiều dài 15,51m + 3,84m.

2.5. Chia cho ông Nguyễn Sỹ D được quyền sử dụng thửa đất số 66B, tờ bản đồ số 34, diện tích 296,8m² (trong đó có 66,4m² nằm trong quy hoạch mở đường) tại khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An, trị giá 4.608.000.000 đồng, hiện đang do gia đình ông Nguyễn Sỹ D, bà Nguyễn Thị B quản lý sử dụng. Có tứ cận: Phía Bắc giáp đường N có chiều dài 16,45m; phía Nam giáp thửa đất số 77, 78 có chiều dài 3,73m + 11,68m; phía Đông giáp với thửa đất của ông Nguyễn Trung D2 có chiều dài 14,71m + 3,26m + 0,79m; phía Tây giáp phần đất trích làm nhà thờ có chiều dài 14,39m + 3,40m + 0,69m.

(Chi tiết các phần đất có sơ đồ kết quả đo đạc thực tế ngày 21/8/2020 kèm theo).

Các bên đương sự, những người liên quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét sơ thẩm:

- Ngày 25/9/2020, bị đơn ông Nguyễn Sỹ D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét để ông được hưởng đúng tài sản mà bố mẹ đã cho, cụ thể: Năm 1995 cụ K đã viết cho ông một giấy thừa kế thửa đất số 72; năm 1997 khi hai cụ còn sống đã cho ông làm nhà trên lô đất số 72; năm 2014 cụ H đã cho ông thửa đất 66 để làm nhà ở và chăm sóc cụ cho đến khi cụ H chết.

- Ngày 02/10/2020, bị đơn ông Nguyễn Sỹ D1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: Xác định thửa đất số 71 gia đình ông đang sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải di sản thừa kế do đã được bố mẹ cho. Xác định và yêu cầu chia thừa kế di sản của bố mẹ là thửa 72 và 66 do bà T và ông D đang quản lý theo pháp luật và được hưởng phần di sản bằng tiền.

- Ngày 20/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định số 40/QĐKNPT-VC1-DS kháng nghị một phần bản án theo hướng sửa bản án sơ thẩm:

+ Về tố tụng: Có vi phạm khi không buộc ông Nguyễn Trung D2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có yêu cầu độc lập nộp tạm ứng án phí sơ thẩm;

+ Về nội dung: Cần buộc người được hưởng phần di sản thừa kế bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phải chia trả chênh lệch cho những người được ít hơn; tính toán lại về án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Xuất trình bản gốc các văn bản: “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất”, lập ngày 05/10/1995; “Biên bản họp gia đình bà H”, lập ngày 13/11/2010;

- Bị đơn ông Nguyễn Sỹ D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; xuất trình bản gốc văn bản “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất”, lập ngày 05/10/1995.

- Nội dung của các văn bản này thể hiện cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H đã định đoạt cho bà T và ông D mỗi người một phần đất là 120m². Bà T, người diện theo ủy quyền của bà T và bị đơn ông D khẳng định hai cụ cũng đã định đoạt cho ông Nguyễn Sỹ D1 một phần đất 120m² bằng văn bản “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất” giống với văn bản mà T và ông D xuất trình; khẳng định có cuộc họp do cụ H tổ chức với đủ thành phần tham gia được ghi trong “Biên bản họp gia đình bà H”, lập ngày 13/11/2010.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông D1 cho biết chưa thu thập được bản gốc “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất” như bà T và ông D đã xuất trình; thừa nhận có cuộc họp do cụ H tổ chức nhưng ông D1 không có mặt mà chỉ có vợ ông D1 tham gia. Đề nghị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông D1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm đã phát sinh chứng cứ mới là: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xuất trình văn bản “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất” - bản gốc, lập ngày 05/10/1995; “Biên bản họp gia đình bà H” - bản gốc, lập ngày 13/11/2010; ông Nguyễn Sỹ D - bị đơn xuất trình văn bản “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất” - bản gốc, lập ngày 05/10/1995. Nội dung của các văn bản này thể hiện cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H đã định đoạt cho bà T và ông D mỗi người một phần đất là 120m². Bà T, người diện theo ủy quyền của bà T và bị đơn ông D khẳng định hai cụ cũng đã định đoạt cho ông Nguyễn Sỹ D1 một phần đất 120m² bằng văn bản “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất” giống với văn bản bà T và ông D xuất trình. Tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của ông D1 chưa xuất trình được cho Tòa án. Xét thấy đây là những cứ mới, có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định di sản thừa kế đã được cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H định đoạt hay chưa? Phần tài sản nào đã được định đoạt? Phần nào chưa được định đoạt? Những chứng cứ này Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nên đã chia thừa kế theo pháp luật. Để đánh giá tính đúng đắn của những chứng cứ mới là căn cứ xác định di sản thừa kế và việc chia thừa kế, Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Sỹ D1 và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn kháng cáo, đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273, 278, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Nguyễn Sỹ D có đơn kháng cáo trong thời hạn nhưng chậm nộp Biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho tòa án cấp sơ thẩm, đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận việc kháng cáo quá hạn tại Quyết định số 08/2021/QĐ-PT ngày 10/3/2021. Do đó, việc kháng cáo, kháng nghị là hợp lệ và được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bị đơn là ông D1 nhưng đã có mặt người đại diện theo ủy quyền; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt (bà N1) hoặc đã được triệu tập hợp lệ (UBND thành phố V) và không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử căn cứ đề nghị của các đương sự, của kiểm sát viên tại phiên tòa và quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu, người có quyền yêu cầu chia di sản và được hưởng thừa kế: Cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H là vợ chồng; hai cụ sinh được 04 người con gồm các ông/bà: Nguyễn Thị T, Nguyễn Sỹ D1, Nguyễn Sỹ D và Nguyễn Thị T1 (chết năm 2000 chưa có gia đình). Về nguồn gốc các thửa đất đang tranh chấp là tài sản của cụ K, cụ H tạo lập được. Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Cụ K chết năm 1998 (BL 56), cụ H chết năm 2018 (BL 55) đều không để lại di chúc. Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H còn thời hiệu khởi kiện. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ còn lại là 03 người, gồm: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Sỹ D1 và ông Nguyễn Sỹ D.

[2.2] Về di sản thừa kế.

[2.2.1] Theo các chứng cứ có trong hồ sơ, sự thừa nhận từ các thừa kế của hai cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H tại phiên tòa, căn cứ kết quả thẩm định, đo đạc thực tế đã được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thực hiện, xác định các thửa đất số 66, 71, 72, tờ bản đồ số 34, tại khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An đều là đất thổ cư, phù hợp quy hoạch và có nguồn gốc của cụ K và cụ H tạo lập khi còn sống. Hiện nay, các thửa đất này được Tòa án cấp sơ thẩm xác định như sau:

- Thửa đất số 66 hiện được tách thành 03 thửa: 66A, 66B, 66C. Trong đó:
 - + Thửa 66A, đã xây dựng nhà thờ, diện tích 102,5m² (trong đó có 23,8m² nằm trong quy hoạch mở đường). Trị giá 1.574.000.000 đồng.
 - + Thửa 66B, hiện ông Nguyễn Sỹ D đang quản lý, sử dụng có diện tích 296,8m² (trong đó có 66,4m² nằm trong quy hoạch mở đường). Trị giá 4.608.000.000 đồng.
 - + Thửa 66C, cụ H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trung D2, diện tích 92,2m² (trong đó có 22,8m² nằm trong quy hoạch mở đường). Trị giá 1.388.000.000 đồng.
- Thửa 71, hiện vợ chồng ông Nguyễn Sỹ D1 và bà Lê Thị N1 quản lý, sử dụng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích 160,9m² (trong đó có 38,8m² nằm trong quy hoạch mở đường). Trị giá 2.442.000.000 đồng.
- Thửa 72, hiện do bà Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng có diện tích 118,5m² (trong đó có 24,7m² nằm trong quy hoạch mở đường). Trị giá 1.876.000.000 đồng.

(Trong sơ đồ đo, vẽ ngày 21/08/2020 BL 240 - 243, thể hiện còn có thửa đất số 73 nằm giữa hai thửa số 72 và 66A, thửa đất này cụ H đã chuyển nhượng cho người khác, không phải đối tượng tranh chấp trong vụ án!)

[2.2.2] Cả 03 thừa kế của cụ K và cụ H đều xác định:

- Thửa đất 66A đã xây nhà thờ: Các thừa kế không tranh chấp mà đề nghị xác định là tài sản chung của cả 03 thừa kế, đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả 03 người, mục đích làm nhà thờ.

- Thửa đất 66C cụ H khi còn sống đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trung D2: Cả 03 thừa kế và ông Nguyễn Trung D2 đều nhất trí không tranh chấp và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Trung D2.

[2.3] Như vậy, di sản của hai cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H còn lại và hiện nay đang có tranh chấp là quyền sử dụng của 03 thửa đất: 66B, 71 và 72, thuộc tờ bản đồ số 34, tại khối X, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi trừ diện tích phần đất nằm trong quy hoạch mở đường Nguyễn Gia T3 còn lại là $446,3\text{m}^2$; giá trị: $446,3\text{m}^2 \times 20.000.000\text{đ}/01\text{m}^2 = 8.926.000.000$ đồng như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng.

[3] Về việc chia di sản thừa kế:

[3.1] Hồ sơ vụ án có các văn bản: “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất” lập ngày 05 tháng 10 năm 1995 (BL 57, 58, 337) thể hiện và “Biên bản họp gia đình bà H” lập ngày 13/11/2010 (BL 59), thể hiện cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H đã định đoạt cho bà T và ông D mỗi người 120m^2 đất, có kích thước (6m x 20m), có người làm chứng là ông T4 và ông C ký xác nhận. Các văn bản này không phải là bản gốc mà là bản photocopy, không có công chứng, chứng thực. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các Điều 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 để quyết định chia thừa kế theo pháp luật.

[3.2] Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm đã phát sinh các chứng cứ mới là: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị T1 - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xuất trình văn bản “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất” – bản gốc; ông Nguyễn Sỹ D - bị đơn xuất trình văn bản “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất” - bản gốc. Nội dung của các văn bản này thể hiện cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H đã định đoạt cho bà T và ông D mỗi người một phần đất là 120m^2 , có kích thước (6m x 20m), có người làm chứng là ông Nguyễn Trọng T5 và ông Nguyễn Khắc C1 ký xác nhận. Bà T và ông D cho biết ông Nguyễn Trọng T5 là Bí thư chi ủy Khu, ông Nguyễn Khắc C1 là bác ruột về đằng mẹ (cụ H). Bà T còn xuất trình “Biên bản họp gia đình bà H” lập ngày 13/11/2010 - bản gốc, thể hiện cụ H và các con đã thống nhất phân chia quyền sử dụng đất sau khi cụ K chết, vị trí thửa đất của bà T và ông D tại “Biên bản họp gia đình bà H” lập ngày 13/11/2010 có khác so với “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất” mà cụ K và cụ H đã lập trước đây. Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Sỹ D1 cho rằng “Giấy thừa kế quyền sử dụng đất” - bản gốc mà hai cụ viết cho ông D1 đã bị thất lạc, chưa tìm thấy nên chưa xuất trình được cho Tòa án; đồng thời cũng thừa nhận có cuộc họp gia đình cụ H vào ngày 13/11/2010 nhưng cho rằng ông D1 không tham gia mà có vợ là bà Lê Thị N1 tham gia.

[3.3] Như vậy, có căn cứ để xác định khi còn sống cụ K và cụ H đã có văn bản thể hiện ý chí của mình trong việc định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất

cho các con nhưng các đương sự chưa xuất trình được bản gốc, dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế theo pháp luật theo quy định tại các Điều 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự là không phản ánh đúng ý chí của người để lại di sản. Hội đồng xét xử xét thấy đây là những cứ mới, có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định di sản thừa kế đã được cụ Nguyễn Sỹ K và cụ Nguyễn Thị H định đoạt hay chưa? Phần tài sản nào đã được định đoạt? Phần nào chưa được định đoạt? Để đánh giá tính đúng đắn của những chứng cứ mới, làm căn cứ xác định di sản thừa kế và việc chia thừa kế theo di chúc hay theo pháp luật, hay vừa chia thừa kế theo di chúc, vừa chia thừa kế theo pháp luật? nên Hội đồng xét xử đồng quan điểm với đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa về việc cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Hội đồng xét xử phúc thẩm cùng đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng đã xem xét, đối chiếu các tài liệu là bản gốc mà bà T và ông D xuất trình, đã photocopy lưu trong hồ sơ vụ án và trả lại bản gốc cho ông D, bà T để xuất trình khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[4] Do hủy bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, về việc “Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cá biệt”, giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T với bị đơn là ông Nguyễn Sỹ D, ông Nguyễn Sỹ D1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An; bà Lê Thị N1 và ông Nguyễn Trung D2.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An sẽ quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả ông Nguyễn Sỹ D 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0000105 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSYA, VT, phòng HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh